

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày 08-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Cúc.

Bà Nông Thị Ái Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lý Văn L, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1986 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Xuân K và bà Hoàng Thị K; vợ Hoàng Thị Đ và 01 người con; tiền án: Ngày 14/6/2022 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/9/2006 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản và tội lạm dụng chiếm đoạt tài sản theo bản án số 04/2006/HSST; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 đến nay. Có mặt.

2. Vy Văn T, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1976 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khối phố Y, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Văn C và bà Lương Thị T; vợ Vy Thị T và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, xử phạt trách nhiệm hình sự; bị

cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 13/01/2023 đến nay. Có mặt.

3. Lý Văn K, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1993 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn C và bà Hứa Thị Y; vợ Lý Thị H và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, xử phạt trách nhiệm hình sự; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 18/01/2023 đến nay. Có mặt.

4. Lãng Văn P, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1976 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lãng Văn Q và bà Triệu Thị B; vợ Lộc Thị D và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, xử phạt trách nhiệm hình sự; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 28/02/2023 đến nay. Có mặt.

5. Lý Văn Trình, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1984 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn Ét và bà Hoàng Thị Lý; vợ Lý Thị G và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, xử phạt trách nhiệm hình sự; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 18/01/2023 đến nay. Có mặt.

6. Lâm Văn D, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1990 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn P và bà Lý Thị C; vợ Triệu Thị T và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, xử phạt trách nhiệm hình sự; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 18/01/2023 đến nay. Có mặt.

7. Lâm Văn T, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1993 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn P và bà Lý Thị C; vợ Lương Thị L và con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, xử phạt trách nhiệm hình sự; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

8. Hoàng Văn Đ, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1973 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng

Văn V và bà Lý Thị N; vợ Tô Thị P và 02 người con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, xử phạt trách nhiệm hình sự; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

9. Hoàng Văn H, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1996 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn D và bà Lâm Thị B; vợ Hoàng Thị Ý và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

10. Lâm Văn Kiêm, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1980 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn V và bà Hứa Thị V; vợ Bé Thị B và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 18/01/2023 đến nay. Có mặt.

11. Tô Văn D, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1993 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn C và bà Lý Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

12. Hứa Văn C, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1983 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn H và bà Hoàng Thị T; vợ Tô Thị X và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

13. Lý Văn T, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1995 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn K và bà Triệu Thị V; vợ Hoàng Thị N và con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

14. Lâm Văn C, sinh ngày 03 tháng 8 năm 1975 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Viết V và bà Lý Thị L; vợ Triệu Thị T và 04 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

15. Lý Văn E, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1974 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn K và bà Mông Thị S; vợ Triệu Thị H và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

16. Lâm Văn M, sinh ngày 03 tháng 7 năm 1991 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn C và bà Lý Thị L; vợ Bé Thị T và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

17. Tô Văn H, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1979 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn S và bà Lý Thị Đ; vợ Bé Thị Y và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

18. Lâm Văn T, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1996 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn Đ và bà Lý Thị H; vợ Lâm Thị M và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh từ ngày 28/02/2023 đến nay. Có mặt.

19. Nông Văn H, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1990 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc:

Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn N và bà Lý Thị Đ; vợ Bế Thị T và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

20. Bế Văn L, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1960 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Văn T và bà Lý Thị T; vợ Hoàng Thị P và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

21. Bế Văn H, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1981 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Văn H và bà Triệu Thị H; vợ Nông Thị M và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

22. Tô Văn C, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1983 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn Tường và bà Lý Thị T; vợ Lâm Thị D và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

23. Bế Thành C, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1996 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Văn P và bà Nông Thị N; vợ Hứa Thị Đ và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

24. Tô Văn K, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1988 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn N và bà Lộc Thị Đ; vợ Hứa Thị H và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân

thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

25. Lý Văn B, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1990 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T và bà Vương Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt trách nhiệm hình sự và vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Bé Văn T, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người chứng kiến:* Chị Lục Thị Kim Thuyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 02/12/2022, Công an xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn phát hiện tại bãi đất trống cạnh nhà ông Bé Văn T, sinh năm 1969, trú tại thôn K, xã Quý Hoà, huyện B, tỉnh Lạng Sơn có nhiều đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Các đối tượng bị lập biên bản vụ việc gồm Hoàng Văn Đ, sinh năm 1973, trú tại Thôn N, xã Q, huyện B và Bé Thành C, sinh năm 1996, trú tại thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tạm giữ trên chiếu bạc số tiền 1.568.000đ (một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng); 01 (một) đĩa sứ, 01(một) bát sứ màu trắng có hoa văn và 04 (bốn) quân vị được làm từ vỏ bao thuốc lá. Nhiều đối tượng đã bỏ chạy hoặc đi về trước, sau đó Cơ quan Công an đã triệu tập và làm rõ thêm các đối tượng tham gia đánh bạc, bao gồm: Lý Văn L, Lãng Văn P, Nông Văn H, Lý Văn K, Lâm Văn D, Lâm Văn Kiêm, Lâm Văn T, Lý Văn Trình, Hoàng Văn H, Lý Văn T, Bé Văn Hoà, Lâm Văn M, Tô Văn D, Tô Văn K, Tô Văn C, Bé Văn L, Lâm Văn C, Lâm Văn T, Lý Văn B, Tô Văn H, Hứa Văn C, Lý Văn E và Vy Văn T.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận quá trình tham gia đánh bạc như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02/12/2022, sau khi ăn cơm, uống rượu tại đám cưới con gái ông Bé Văn T thì Lý Văn L và Lãng Văn P ra sân nhà ông Thề ngồi uống nước, cùng một số người nói chuyện về việc đánh bạc, tuy nhiên do đã uống rượu nên không nhớ ai là người nhắc đến việc đánh bạc đầu tiên. Sau đó, Lợi bảo Pẩu vào bếp lấy lấy bát, đĩa và kéo cạt quân vị để đánh bạc. Pẩu vào bếp nhà ông Thề bảo Lý Văn K đang hộ làm bếp lấy kéo và bát, đĩa cho Pẩu để đánh bạc. Khuy lấy trong bếp nhà ông Thề một chiếc kéo, một chiếc đĩa sứ và một chiếc bát sứ màu trắng có hoa văn đưa cho Pẩu. Pẩu đưa kéo cho Lợi để Lợi

cắt quân vị. Lợi dùng kéo cắt vỏ bao thuốc lá Thăng Long của Lợi thành 04 (bốn) quân vị hình tròn, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng. Lợi cầm quân vị, Pầu cầm bát, đĩa cùng nhau lên bãi đất trống sau nhà ông Thê để đánh bạc. Sau đó Lý Văn K, Lâm Văn D, Lâm Văn Kiêm, Lâm Văn T và Lý Văn Trình cũng đi lên bãi đất tham gia đánh bạc. Các đôi tượng ngồi xuống đất thành vòng tròn cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Lúc đầu, Lý Văn K là người cầm cái, được mấy ván thì Khuy chuyển cho Lý Văn Trình cầm cái, sau đó đến Lâm Văn D cầm cái. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Vy Văn T đến tham gia đánh bạc và thay Lâm Văn D cầm cái. Lúc này có nhiều đôi tượng lên tham gia đánh bạc cùng, gồm: Hoàng Văn H, Lý Văn T, Bé Văn Hoà, Lâm Văn M, Tô Văn D, Tô Văn K, Tô Văn C, Bé Văn L, Lâm Văn C, Lâm Văn T, Lý Văn B, Tô Văn H, Bé Thành C, Hứa Văn C, Lý Văn E, Hoàng Văn Đ, Nông Văn H. Trong quá trình đánh bạc ban đầu xảy ra mâu thuẫn nên Lý Văn Trình đi về, Lý Văn L có việc bận, Lãng Văn P, Tô Văn K, Tô Văn C, Tô Văn H, Lý Văn E thua hết tiền nên đi về, Lý Văn K đi xuống nhà ông Thê hộ làm bếp sau đó quay lại tiếp tục đánh bạc. Một số đôi tượng đánh hết tiền thì đứng xem các đôi tượng còn lại đánh bạc tiếp. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an xã Quý Hoà, huyện B phát hiện, lập biên bản. Quá trình xác minh, nhận thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm hình sự, ngày 29/12/2022, Công an xã Quý Hoà đã bàn giao hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện để điều tra, xác minh theo thẩm quyền.

Các bị cáo đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Quy định bên trái người cầm cái là cửa chắn, bên phải người cầm cái là cửa lẻ. Cửa chắn là bốn quân vị trùng màu hoặc hai quân vị màu trắng, hai quân vị màu vàng, cửa lẻ là ba quân vị cùng màu vàng, một quân vị màu trắng và ngược lại. Người cầm cái cho 04 quân vị vào đĩa, úp bát xuống xóc xong đặt xuống, mọi người tự do đặt cược ở cửa chắn hay lẻ tùy ý. Đặt tiền xong người cầm cái mở bát. Người cầm cái kiểm soát số tiền thắng thua của người chơi. Người đặt cược trùng với kết quả trên đĩa thì thắng được gấp đôi số tiền đặt cược trước đó. Người đặt cược ở cửa không trùng với kết quả trên đĩa thì thua cược và mất toàn bộ số tiền đặt cược. Lúc này người cầm cái lấy tiền của người thua cược để trả cho người thắng cược. Nếu số tiền của người thua cược không đủ trả cho người thắng cược thì người cầm cái phải bỏ tiền của mình ra để bù cho người thắng cược. Nếu tổng số tiền của người thua cược trả cho người thắng cược còn thừa thì người cầm cái được hưởng. Kết thúc ván đánh người cầm cái tiếp tục xóc đĩa cho mọi người đánh ván tiếp theo. Mỗi ván các bị cáo đặt cược từ 10.000đ (mười nghìn đồng) đến 1.000.000đ (một triệu đồng).

Tổng số tiền mà các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là 8.990.000đ (tám triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng), các bị cáo khai được thua cụ thể như sau: Vy Văn T sử dụng 4.600.000đ, thua 1.000.000đ, đã nộp cho Cơ quan điều tra 3.600.000đ. Lý Văn T sử dụng 250.000đ, thắng 250.000đ, đã nộp cho Cơ quan điều tra 500.000đ. Hứa Văn C sử dụng 300.000đ và thua 100.000đ, giao nộp cho Cơ quan điều tra 200.000đ. Lý Văn L sử dụng 150.000đ, thua 50.000đ, giao nộp

cho Cơ quan điều tra 100.000đ. Lý Văn Trình sử dụng 200.000đ, thua 140.000đ, giao nộp cho Cơ quan điều tra 60.000đ. Lâm Văn C sử dụng 200.000đ, thắng được khoảng 800.000đ, Lâm Văn T sử dụng 500.000đ, thắng được khoảng 1.400.000đ, các bị cáo khai quá trình bỏ chạy, bị cáo Lâm Văn C mang theo khoảng 1.000.000đ, Lâm Văn T mang theo khoảng 1.900.000đ đã bị rơi, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả.

Các bị cáo còn lại sử dụng số tiền tham gia đánh bạc và thua hết bao gồm: Hoàng Văn H sử dụng 400.000đ, Bé Văn Hoà 30.000đ, Lâm Văn M 150.000đ, Tô Văn D 400.000đ, trong đó mượn của Hoàng Văn H 300.000đ, Tô Văn K 20.000đ, Tô Văn C 20.000đ, Nông Văn H 70.000đ, Lăng Văn P 100.000đ, Lý Văn K 100.000đ, Lâm Văn D 180.000đ, Bé Văn L 50.000đ, Lâm Văn K 400.000đ, Lý Văn B xin của Lý Văn K 10.000đ, Hoàng Văn Đ 440.000đ, Tô Văn H mượn của Lâm Văn C 100.000đ, Bé Thành C 20.000đ, Lâm Văn T 100.000đ và Lý Văn E sử dụng 200.000đ.

Trong vụ án này, ban đầu các bị cáo đến ăn cỗ đám cưới. Sau khi ăn cỗ xong mới phát sinh việc đánh bạc. Không có ai thu tiền hồ, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Hình thức đánh bạc là xóc đĩa, ngoài ra không có hình thức nào khác. Bị cáo Lý Văn L, Lăng Văn P và Lý Văn K là người chuẩn bị dụng cụ đánh bạc. Lý Văn K, Lý Văn Trình, Lâm Văn D và Vy Văn T là người cầm cái. Các bị cáo tham gia đánh bạc đông, có người đứng, có người ngồi, thường xuyên di chuyển nên không xác định được vị trí chính xác của từng bị cáo.

Đối với ông Bé Văn T khai ngày 02/12/2022, gia đình ông tổ chức đám cưới cho con gái, có mời khách đến ăn cỗ. Bãi đất trống cạnh nhà thuộc quyền quản lý của gia đình ông, các bị cáo tự ý đánh bạc tại vị trí trên, gia đình ông bận tổ chức đám cưới nên không biết. Dụng cụ đánh bạc các bị cáo cũng tự ý sử dụng, không hỏi ý kiến của ông và gia đình. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm liên quan đến vụ án.

Tại Kết luận giám định số 383/KL-KTHS ngày 22/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền thu tại chiếu bạc và số tiền các bị cáo giao nộp, tổng cộng 6.028.000đ là tiền thật.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKS-BG ngày 27/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lý Văn L, Vy Văn T, Lý Văn K, Lăng Văn P, Lý Văn Trình, Lâm Văn D, Lâm Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H, Lâm Văn Kiêm, Tô Văn D, Hứa Văn C, Lý Văn T, Lâm Văn C, Lý Văn E, Lâm Văn M, Tô Văn H, Lâm Văn T, Nông Thị Hiền, Bé Văn L, Bé Văn H, Tô Văn C, Bé Thành C, Tô Văn K và Lý Văn B về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận, hành vi đánh bạc như Cáo trạng truy tố ra trước Tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không bị ép cung, nhục hình, bức cung trong quá trình điều tra truy tố, ngoài các bị cáo trong vụ án không có ai khác tham gia đánh bạc. Bị cáo Lâm Văn C thừa nhận số tiền cầm khi bỏ chạy là 1.000.000đ ((một triệu đồng) và bị cáo Lâm Văn T thừa nhận số

tiền cầm khi bỏ chạy là 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) là tiền dùng để đánh bạc.

Tại phiên tòa người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bé Văn T khai do bận lo cho đám cưới của gia đình nên không biết việc đánh bạc. Xác nhận 01 (một) bát sứ màu trắng, 01 (một) đĩa sứ màu trắng là tài sản của riêng ông và giá trị nhỏ nên không yêu cầu được nhận lại tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lý Văn L, Vy Văn T, Lý Văn K, Lãng Văn P, Lý Văn Trình, Lâm Văn D, Lâm Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H, Lâm Văn Kiêm, Tô Văn D, Hứa Văn C, Lý Văn T, Lâm Văn C, Lý Văn E, Lâm Văn M, Tô Văn H, Lâm Văn T, Nông Thị Hiền, Bé Văn L, Bé Văn H, Tô Văn C, Bé Thành C, Tô Văn K và Lý Văn B phạm tội Đánh bạc:

* Về căn cứ pháp luật và hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, 58 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Lý Văn L từ 10 (mười) đến 14 (mười bốn) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam trong vụ án trước từ ngày 02/01/2022 đến ngày 28/01/2023 là 27 ngày.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Vy Văn T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo luật định.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt các bị cáo Lý Văn K, Lãng Văn P, Lý Văn Trình, Lâm Văn D từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo; Lâm Văn T, Hoàng Văn H, Tô Văn D, Lâm Văn Kiêm, Hoàng Văn Đ, Hứa Văn C từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo luật định.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36, 50, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BLHS xử phạt các bị cáo Lý Văn T, Lâm Văn C, Lâm Văn M, Tô Văn H, Lâm Văn T từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; Nông Văn H, Bé Văn L, Lý Văn E, Bé Văn H, Tô Văn K, Tô Văn C, Lý Văn B, Bé Thành C từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bát sứ màu trắng, có hoa văn (tình trạng cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn (tình trạng cũ, đã qua sử dụng); 04 (bốn) quân vị hình tròn được làm bằng vỏ bao thuốc lá Thăng long, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.028.000đ (sáu triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Lâm Văn C số tiền 1.000.000đ và bị cáo Lâm Văn T số tiền 1.900.000đ.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng các bị cáo xin đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người chứng kiến chi Lục Thị Kim Thuyên triệu tập hợp lệ đến phiên tòa. Xét thấy các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát yêu cầu xử vắng mặt; mặt khác các bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội. Việc vắng mặt của người chứng kiến chi Lục Thị Kim Thuyên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; do đó căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa các bị cáo Lý Văn L, Vy Văn T, Lý Văn K, Lăng Văn P, Lý Văn Trình, Lâm Văn D, Lâm Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H, Lâm Văn Kiêm, Tô Văn D, Hứa Văn C, Lý Văn T, Lâm Văn C, Lý Văn E, Lâm Văn M, Tô Văn H, Lâm Văn T, Nông Thị Hiền, Bé Văn L, Bé Văn H, Tô Văn C, Bé Thành C, Tô Văn K và Lý Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và cũng phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Từ khoảng 12 giờ 30 phút đến 15 giờ 30 phút ngày 02/12/2022, tại bãi đất trống cạnh nhà ông Bé Văn T, các bị cáo Lý Văn L, Lăng Văn P, Nông Văn H, Lý Văn K, Lâm Văn D, Lâm Văn Kiêm, Lâm Văn T, Lý Văn Trình, Hoàng Văn H, Lý Văn T, Bé Văn Hoà, Lâm Văn M, Tô Văn D, Tô

Văn K, Tô Văn C, Bé Văn L, Lâm Văn C, Lâm Văn T, Lý Văn B, Tô Văn H, Hứa Văn C, Lý Văn E, Hoàng Văn Đ, Bé Thành C, Vy Văn T tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thu trên chiếu bạc số tiền 1.568.000đ (một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Qua lời khai tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 8.990.000đ (tám triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Do đó có căn cứ xác định các bị cáo Lý Văn L, Vy Văn T, Lý Văn K, Lăng Văn P, Lý Văn Trình, Lâm Văn D, Lâm Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H, Lâm Văn Kiếm, Tô Văn D, Hứa Văn C, Lý Văn T, Lâm Văn C, Lý Văn E, Lâm Văn M, Tô Văn H, Lâm Văn T, Nông Thị Hiền, Bé Văn L, Bé Văn H, Tô Văn C, Bé Thành C, Tô Văn K và Lý Văn B phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo hoàn toàn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo xuất phát từ việc đi ăn cưới và sau khi đã sử dụng rượu các bị cáo đã nói chuyện về chuyện đánh bạc rồi cùng nhau tham gia một cách tự phát, chứ không có ai tổ chức, đứng ra thu tiền hồ, các bị cáo chỉ cần nghe thông tin từ người này, người kia nói có nhóm đánh bạc, hoặc nhìn thấy đám đông tập chung gần nhà đám cưới là tìm đến và thấy đánh bạc thì tự tham gia. Hành vi đánh bạc của các bị cáo là bột phát, nhất thời, số tiền của các bị cáo dùng để đánh bạc đa số là ít, mục đích đánh bạc thắng được tiền, không quan trọng là người có tiền nhiều hay ít, tham gia một lần hay nhiều lần, mà đã tham gia đánh bạc, tiền đem theo để dùng vào mục đích đánh bạc, tiền thu được tại chiếu bạc theo quy định của pháp luật là đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự; về hành vi đánh bạc là hành vi nguy hiểm cho xã hội, mang tính sát phạt nhau bằng tiền, vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trong lĩnh vực quản lý xã hội của nhà nước. Mặt khác hành vi phạm tội Đánh bạc của các bị cáo cũng là một trong những nguyên nhân phát sinh các tệ nạn và tội phạm khác trong xã hội, nhất là địa phương của các bị cáo. Do vậy cần phải có hình thức nghiêm khắc, mới mang tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm cờ bạc tại địa phương.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài bị cáo Lý Văn L, các bị cáo còn lại được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài bị cáo Vy Văn T, các bị cáo còn lại được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Lý Văn E được áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có bố đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lý Văn L có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là Tái phạm. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Để có mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo, thấy rằng: Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có việc tổ chức, bàn bạc, cấu kết chặt chẽ mà các bị cáo phạm tội mang tính bột phát sau khi ăn cưới xong. Bị cáo Lý Văn L có tiền án, bị Tòa án nhân dân huyện B xét xử 10 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc vào ngày 14/6/2022, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án. Bị cáo cũng là người chuẩn bị dụng cụ đánh bạc. Xét thấy, cần xử mức án tương xứng với từng hành vi phạm tội của bị cáo cần cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời vẫn đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Các bị cáo Lý Văn K, Lăng Văn P là những người trực tiếp làm quân vị, chuẩn bị bát, đĩa để đánh bạc. Các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn Trình, Lâm Văn D và Vy Văn T là những người cầm cái và tham gia đánh bạc. Các bị cáo còn lại Lâm Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H, Lâm Văn Kiếm, Tô Văn D, Hứa Văn C, Lý Văn T, Lâm Văn C, Lý Văn E, Lâm Văn M, Tô Văn H, Lâm Văn T, Nông Thị Hiền, Bé Văn L, Bé Văn H, Tô Văn C, Bé Thành C, Tô Văn K và Lý Văn B đồng phạm tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu từ 10.000 đồng đến 500.000 đồng. Tất cả các bị cáo tại mục [8] đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi thi hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội. Căn cứ theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐTP ngày 15/4/2023 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Xét thấy không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly khỏi đời sống xã hội để các bị cáo có cơ hội tiếp tục được cải tạo tại địa phương, rèn luyện sửa chữa lỗi lầm, xử phạt mức án tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Qua xác minh và tại phiên tòa, xét thấy các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, không có tài sản và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Trong quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bé Văn T không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung

công quỹ nhà nước số tiền 6.028.000đ (sáu triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng) là tiền phạm tội.

[12] Tuyên tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) bát sứ màu trắng có hoa văn (tình trạng cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn (tình trạng cũ, đã qua sử dụng); 04 (bốn) quân vị hình tròn được làm bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng là phương tiện, dụng cụ phạm tội.

[13] Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ ((một triệu đồng) của bị cáo Lâm Văn C và 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) của bị cáo Lâm Văn T là số tiền đã dùng để đánh bạc và tiền thắng bạc.

[14] Căn cứ theo Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt cũng như các vấn đề khác đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Văn L.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vy Văn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lý Văn K, Lăng Văn P, Lý Văn Trình, Lâm Văn D, Lâm Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H, Lâm Văn Kiếm, Tô Văn D, Hứa Văn C.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm c khoản 1 Điều 32, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lý Văn T, Lâm Văn C, Lý Văn E, Lâm Văn M, Tô Văn H, Lâm Văn T, Nông Thị Hiền, Bé Văn L, Bé Văn H, Tô Văn C, Bé Thành C, Tô Văn K và Lý Văn B.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 262; Điều 296; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Lý Văn L, Vy Văn T, Lý Văn K, Lăng Văn P, Lý Văn Trình, Lâm Văn D, Lâm Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H, Lâm Văn Kiềm, Tô Văn D, Hứa Văn C, Lý Văn T, Lâm Văn C, Lý Văn E, Lâm Văn M, Tô Văn H, Lâm Văn T, Nông Thị Hiền, Bé Văn L, Bé Văn H, Tô Văn C, Bé Thành C, Tô Văn K và Lý Văn B phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Lý Văn L 12 (mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số 09/2022/HSST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/01/2023. Và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trong vụ án trước từ ngày 02/01/2022 đến ngày 28/01/2022 là 27 ngày.

Xử phạt bị cáo Vy Văn T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vy Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lý Văn K 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lý Văn K cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lăng Văn P 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lăng Văn P cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lý Văn Trình 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lý Văn Trình cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lâm Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Hứa Văn C 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hứa Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lâm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn K07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lâm Văn K cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Tô Văn D 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Tô Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Các bị cáo Vy Văn T, Lý Văn K, Lăng Văn P, Lý Văn Trình, Lâm Văn D, Lâm Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H, Lâm Văn Kiếm, Tô Văn D, Hứa Văn C trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Lý Văn T 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn C 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn M 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Tô Văn H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo

dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lý Văn E 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nông Văn H 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Bế Văn L 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Bế Văn H 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Tô Văn C 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Bế Thành C 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Tô Văn K 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lý Văn B 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao các bị cáo Lý Văn T, Lâm Văn C, Lý Văn E, Lâm Văn M, Tô Văn H, Lâm Văn T, Nông Văn H, Bế Văn L, Bế Văn H, Tô Văn C, Bế Thành C, Tô

Văn K và Lý Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.028.000đ (sáu triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng) là tiền phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) bát sứ màu trắng có hoa văn (tình trạng cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn (tình trạng cũ, đã qua sử dụng); 04 (bốn) quân vị hình tròn được làm bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng.

Hiện trạng tài sản, vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện B với Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 05 tháng 5 năm 2023.

3. Về biện pháp tư pháp:

Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đ ((một triệu đồng) của bị cáo Lâm Văn C và 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) của bị cáo Lâm Văn T.

4. Về án phí:

Buộc các bị cáo Lý Văn L, Vy Văn T, Lý Văn K, Lăng Văn P, Lý Văn Trình, Lâm Văn D, Lâm Văn T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H, Lâm Văn Kiếm, Tô Văn D, Hứa Văn C, Lý Văn T, Lâm Văn C, Lý Văn E, Lâm Văn M, Tô Văn H, Lâm Văn T, Nông Thị Hiền, Bé Văn L, Bé Văn H, Tô Văn C, Bé Thành C, Tô Văn K và Lý Văn B mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bé Văn T báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Thị Hiệt